TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2020
V/v Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm;

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Việt Xô – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 176/2020/TLST -HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Anh Đỗ Kiều C – sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

-*Bị đơn*: Chị Ngô Hà M – sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2020, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Đỗ Kiều C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị M sống chung năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị M.

Về con chung: Thời gian chung sống hai người không có con chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định tài sản chung gồm có 10 chỉ vàng 24K và 01 chỉ vàng 18K cho trong ngày cưới và đã bán tiêu xài trong thời kỳ hôn nhân, hiện còn lại tài sản chung là 3 chỉ vàng 24K chị M đang giữ. Tại phiên tòa, anh xác

định, tài sản chung của hai người hiện nay chỉ là 03 chỉ vàng 24K nên khi ly hôn, anh chỉ yêu cầu chị M trả lại anh 03 chỉ vàng 24K và không có yêu cầu gì khác. Ngoài tài sản chung nêu trên, anh xác định giữa hai người không còn tài sản chung nào khác.

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải tại tòa và tại phiên tòa chị Ngô Hà M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C kết hôn năm 2019, hôn nhân do chị tự nguyên không ép buộc có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, có tổ chức hôn lễ, không có đăng ký kết theo quy định pháp luật. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau, hiện chị không có tình cảm với anh C, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn với anh C.

Về con chung: Thời gian chung sống không có con chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Xác định trong ngày cưới cha mẹ chồng có cho 10 chỉ vàng 24K và 01 chỉ vàng 18K, số vàng này hiện đã được chị bán và tiêu xài trong thời gian hai vợ chồng ly thân nhau. Chị đồng ý giao lại nguyên đơn 03 chỉ vàng 24K như nguyên đơn yêu cầu. Ngoài tài sản chung nêu trên, anh chị không còn tài sản nào khác.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị Ngô Hà M có nơi cư trú tại ấp Bảy Ghe, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh C khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị M, yêu cầu chia tài sản chung có được trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh C là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh C là nguyên đơn, chị M là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2019, anh chị tổ chức hôn lễ là tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh C và chị M. Anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M thống nhất với yêu cầu của anh C, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tại phiên tòa, anh C xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị M và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh C được ly hôn với chị M.

[3] Về con chung: Anh C và chị M xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh chị xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là 10 chỉ vàng 24K và 01 chỉ vàng 18K được cho trong ngày cưới, số vàng này hiện đã bán và tiêu xài trong thời thời kỳ hôn nhân và hiện còn lại tài sản chung là 03 chỉ vàng 24K và không còn tài sản chung nào khác. Anh C và chị M thống nhất phía chị M có trách nhiệm giao lại cho anh C 03 chỉ vàng 24K và không còn yêu cầu gì khác, đây là sự tự nguyện thõa thuận của các bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh C phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí được tính trên giá trị tài sản là 03 chỉ vàng 24K mà anh được nhận (lấy giá vàng là 4.852.000 đồng/chỉ tại thời điểm ngày 29/4/2020 làm căn cứ tính án phí), chị M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 19, Điều 53, Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Kiều C về việc yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Hà M.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Kiều C và chị Ngô Hà M.

2. Về tài sản chung*:* Buộc chị Ngô Hà M có trách nhiệm giao lại anh Đỗ Kiều C 03 chỉ vàng 24K.

3. Về án phí: Anh Đỗ Kiều C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 727.800 đồng án phí phân chia tài sản. Anh Đỗ Kiều C có dự nộp 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003362 và 0003363 ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, anh Đỗ Kiều C còn phải nộp tiếp số tiền là 127.800 đồng.

Anh C, chị M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp